

Bản án số: 562/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Kim Anh

2. Bà Võ Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 858/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị T, sinh năm: 1982

Địa chỉ: đường H, Phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: đường Y, phường TA, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/8/2018)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm: 1983

Địa chỉ: đường H, Phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 04/12/2017, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đào Thị T trình bày: bà và ông Nguyễn Chí H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường L, Quận A, TP. Hồ Chí Minh ngày 31/3/2010.

Sau khi kết hôn và về chung sống với nhau, ông bà sống chung với gia đình bên chồng, thời gian đầu ông bà sống chung hạnh phúc. Trong quá trình chung

sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông H nghiện ma túy, bà T đã nhiều lần khuyên nhủ, giúp đỡ ông H cai nghiện, nhưng ông H vẫn không cai nghiện được, vẫn còn sử dụng ma túy, do đó mà vợ chồng thường xuyên phát sinh tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ năm 2015, bà T đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đối với ông H nữa, bản thân ông H cũng không có sửa đổi, đến nay vẫn còn sử dụng ma túy, ông cũng không quan tâm, chăm sóc gì đối với bà, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt.

Nay bà T xác định vợ chồng bà đã không còn tình cảm với nhau nữa, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đào Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí H.

- Về con chung: bà T trình bày trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P (nam) sinh ngày 26/4/2010, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà T khai không có.

- Về nợ chung: bà T khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn Chí H đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng nhưng ông H không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Tại phiên tòa ngày 16/7/2018 và ngày 15/8/2018, ông H vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận nguyện vọng của trẻ Nguyễn Tấn Phước, ghi nhận ý kiến của bà Lê Thị Kim H1 là mẹ ruột của ông Nguyễn Chí H, cũng đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Chí H và tình trạng hôn nhân của bà T và ông H tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường L, Quận A, TP. Hồ Chí Minh ngày 31/3/2010 thì bà Đào Thị T và ông Nguyễn Chí H có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T có đơn xin ly hôn với ông H cư ngụ tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận A thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà T thì trong thời gian sống chung với nhau vợ chồng bà có xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông H nghiện ma túy, bà T đã nhiều lần khuyên nhủ, cũng đã giúp đỡ, cho ông H thời gian để cai nghiện nhưng không đạt kết quả, vì lý do này mà vợ chồng thường xuyên phát sinh tranh cãi, từ năm 2015, bà T đã chuyển về nhà mẹ ruột của bà sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình, cuộc hôn nhân của bà không hạnh phúc, bản thân bà không còn tình cảm với ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông H đến Tòa để ghi nhận ý kiến của ông H và tham gia tố tụng nhưng ông H không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng giữa vợ chồng bà T và ông H không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; ông H và bà T đã không còn chung sống từ năm 2015 đến nay, bà T xác định không còn tình cảm với ông H, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tòa án đã nhiều lần triệu tập cả ông H và bà T đến Tòa làm việc, tạo điều kiện để ông bà có thể hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông H không đến Tòa làm việc, điều này thể hiện thái độ thờ ơ, không quan tâm của ông H đối với việc hàn gắn tình cảm, cùng nhau hòa giải để tiếp tục mối quan hệ hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, bà T và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P (nam) sinh ngày 26/4/2010, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; bản thân ông H theo lời trình bày của bà T là người nghiện ma túy, quá trình giải quyết vụ án ông H không đến tòa làm việc, không thể hiện ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, vì vậy Hội đồng nhận

thấy việc giao trẻ Phước cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý và phù hợp với nguyện vọng của trẻ.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Đào Thị T nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Chí H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2010, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường L, Quận A, TP. Hồ Chí Minh ngày 31/3/2010 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tấn P (nam) sinh ngày 26/4/2010 cho bà Đào Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Chí H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở. Bà Đào Thị T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông H đến thăm nom chăm sóc con chung.

Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Trường hợp thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ, hai bên phải thông báo cho nhau biết. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có nên không đề cập giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Đào Thị T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028497 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận A;
- Ủy ban nhân dân Phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Thị Hồng Nga
(đã ký tên và đóng dấu)**